

Bản án số: 215/2024/DS- PT

Ngày: 27/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang, bà Nguyễn Thị Hương Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/9/2024, ngày 27/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLPT- DS ngày 28/8/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2024/QĐ-PT ngày 30/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 350 /2024/QĐ-PT ngày 12/9/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 145/2024/QĐ-PT ngày 19/9/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Ngô Đình L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn B, H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội, (có mặt),

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc T1 – Luật sư Văn phòng L3, đoàn Luật sư thành phố H (có mặt tại phiên tòa ngày 19/9/2024, vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/9/2024).

Bị đơn: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn B, H, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2024- có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1981 (có mặt tại phiên tòa 19/9/2024, vắng mặt tại phiên tòa 24/9/2024)

2. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1972 (có mặt)

3. Anh Ngô Đình T2, sinh năm 1989 (có mặt)

4. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: TDP L, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

* Người kháng cáo: Nguyễn đơn - ông Ngô Đình L; bị đơn - ông Ngô Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17/6/2024, vụ án có nội dung như sau:

Ngày 22/7/2016, vợ chồng ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ngô Đình C, bà Ngô Thị B 4.320m² đất nuôi trồng thủy sản tại xứ Đ, thôn L (nay là tổ dân phố L) thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Việc chuyển nhượng có lập văn bản là “Hợp đồng mua bán” viết tay, không có chứng thực hoặc công chứng. Về nội dung bản hợp đồng vợ chồng ông C, bà B chuyển nhượng toàn bộ trang trại đang sử dụng gồm có:

“1. Một số giấy tờ mua bán cũ của các hộ ở H và giấy tờ đổi ruộng của các hộ ở xóm A thôn L.

2. Toàn bộ khu mặt nước thả cá.

3. Toàn bộ khu bờ ao đang sử dụng

- Bờ phía đông giáp ao anh N và phần đất của Hương L1.

- Bờ phía tây giáp ao anh NI hương câu và toàn bộ hiện trạng là bờ của anh NI.

- Bờ phía Nam giáp đất của Hương C1.

- Bờ phía Bắc giáp khu diện tích của xóm A L.

4. Toàn bộ công trình xây dựng trên bờ gồm 03 gian nhà ở, và một số gian phụ chăn nuôi.

5. Toàn bộ số cây trên diện tích bờ ao.

6. Toàn bộ đường điện ánh sáng và công tơ điện.”

Tại thời điểm ông C, bà B chuyển nhượng cho ông Liêu, bà H diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Đình C và bà Ngô Thị B. Số tiền chuyển nhượng hai bên thỏa thuận là 250.000.000 đồng, số tiền này ông L đã trả cho gia đình ông C. Ông C, bà B đã bàn giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cũng như cây cối trên đất theo giấy mua bán ngày 22/7/2016 cho ông L, bà H vào ngày 22/7/2016. Từ ngày 22/7/2016 đến năm 2019, ông L là người sử dụng diện tích, công trình theo hợp đồng mua bán, đến năm 2019 Nhà nước thu hồi đất để làm Cụm C thì đã thu hồi diện tích đất nêu trên, thời điểm đó ông C, bà B là người nhận tiền đền bù.

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, ông L khởi kiện buộc ông Ngô Đình C và bà Ngô Thị B thực hiện Hợp đồng mua bán đất ao thả cá xứ đồng L2, thôn L, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang với diện tích 4.320m² đất nuôi trồng thủy sản. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay đề ngày 22/7/2016 là vô hiệu và buộc ông Ngô Đình C, bà Ngô Thị B trả lại cho ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H số tiền 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 22/7/2016 đến khi thanh toán xong khoản tiền phải trả lại.

Bị đơn ông **Ngô Đình C** trình bày:

Ngày 22/7/2016, giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông **L** có viết giấy mua bán đất với nhau. Theo nội dung giấy mua bán như ông **L** trình bày là đúng, hai bên thỏa thuận giá 250.000.000đồng, ông **L** trả tiền cho vợ chồng ông. Đối với diện tích đất bán cho ông **L**, bà **H** thì gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do gia đình ông mua của một số hộ dân (03 hộ dân) ở **thôn H, xã H** bằng giấy viết tay, một phần diện tích đổi cho một số hộ dân (07 hộ dân) ở **xóm A, thôn L (nay là tổ dân phố L)**, khi đổi chỉ có giấy viết tay.

Về diện tích ông mua của một số hộ ở **thôn H** thời điểm đó không đo, chỉ ước lượng, các hộ này cũng không có giấy tờ gì về diện tích đất bán cho ông. Đối với diện tích đất nông nghiệp đổi cho 07 hộ **xóm A, thôn L** cũng chỉ có giấy tờ viết tay, ông không biết được diện tích cụ thể là bao nhiêu mét vuông.

Sau khi hai bên viết giấy tờ mua bán và trả tiền thì ông đã bàn giao toàn bộ diện tích mặt nước, bờ ao, cây cối và công trình xây dựng như giấy mua bán cho ông **L**, bà **H** quản lý sử dụng từ ngày 22/7/2016 đến khi nhà nước thu hồi đất năm 2019. Hiện nay, số tiền bồi thường khi thu hồi đất ông chưa nhận tiền đền bù nên ông **L** yêu cầu trả lại số tiền đền bù ông không đồng ý trả.

Giấy tờ mua bán chuyển nhượng đất viết tay không thể hiện được diện tích đất chuyển nhượng là bao nhiêu mét vuông nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông **L** về việc xác định diện tích là 4.320m².

Ông đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng mua bán ngày 22/7/2016 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- bà **Ngô Thị B** (vợ ông **C**) thống nhất với lời khai của ông **Ngô Đình C**, đề nghị tuyên bố hợp đồng mua bán ngày 22/7/2016 là vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị H** (vợ ông **L**) trình bày thống nhất với trình bày của ông **Ngô Đình L**, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán đất ngày 22/7/2016 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc ông **Ngô Đình C**, bà **Ngô Thị B** trả lại số tiền đã nhận 250.000.000đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 22/7/2016 đến khi thanh toán xong khoản tiền phải trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Ngô Đình T2**, chị **Nguyễn Thị P** (con trai và con dâu ông **C**) đã được Tòa sơ thẩm Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập nhưng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 129, Điều 131; Điều 132; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngô Đình L**.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nội dung “Hợp đồng mua bán” viết tay đề ngày 22/7/2016 giữa ông Ngô Đình C, bà Ngô Thị B với vợ chồng ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H ngày 22/7/2016 là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu của ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H.

Buộc ông Ngô Đình C, bà Ngô Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H số tiền 250.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Ngô Đình L, bà Trần Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/6/2024, ông Ngô Đình L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Ngày 17/7/2024 ông Ngô Đình C kháng cáo phần quyết định của bản án sơ thẩm vì lý do Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa chưa xem xét đến nội dung ông Ngô Đình L sử dụng diện tích 4.320m² đất nuôi trồng thủy sản và nhà ở, chuồng trại, cây cối của gia đình ông để tạo thu nhập 08 năm từ năm 2016 đến năm 2024; yêu cầu ông Ngô Đình L phải có nghĩa vụ trả tiền thu nhập từ việc sử dụng diện tích 4.320m² đất nuôi trồng thủy sản, sử dụng nhà ở, sử dụng công trình chăn nuôi thu hoạch cây cối trên mảnh đất của gia đình ông 08 năm từ 2016 đến 2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì Tòa không mời người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H, UBND huyện H, Ban quản lý dự án khu công nghiệp V là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. UBND huyện không cung cấp được các tài liệu chứng cứ về thu hồi đất của ông L; ông C, ông L đều không biết về việc thu hồi, không nhận tiền bồi thường. Tòa án không tiến hành thẩm định, đo đạc xác định diện tích là bao nhiêu. Ông C yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nhưng Tòa sơ thẩm không giải quyết. Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng không theo Điều luật nào, Bộ luật nào. Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông L bà H trong khi ông C nhận tiền 250 triệu đồng từ năm 2016 đến nay. Tòa án không chấp nhận yêu cầu tính lãi nhưng không có căn cứ điều luật nào của Bộ luật dân sự. Tòa sơ thẩm không đưa 09 hộ gia đình đã đổi đất, bán đất cho ông C tham gia tố tụng. Sau khi mua đất của gia đình ông C, gia đình ông đã trồng cây, đổ sân bê tông, kê bờ ao. Diện tích đất mua của gia đình ông C đã bị thu hồi nhưng không biết thu hồi khi nào.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà B trình bày: Gia đình bà đã bán giao đất cho gia đình ông L từ năm 2016, gia đình ông L đã trả tiền cho gia đình bà. Tòa án buộc gia đình bà phải trả cho ông L 250 triệu đồng nhưng không buộc gia đình ông L phải có nghĩa vụ gì đối với gia đình bà là không đúng trong khi gia đình bà đã bán giao đất và tài sản trên đất cho ông L từ năm 2016, diện tích đất đến nay đã bị thu hồi. Đề nghị Tòa xem xét đối với số tiền đền bù khi nhà nước thu hồi diện tích đất gia đình bà đã chuyển nhượng cho ông L, xem xét buộc gia đình ông L phải bồi thường cho gia đình bà thiệt hại do gia đình không

được sử dụng đất. Nguồn gốc diện tích bán cho gia đình ông **L** là mua của **thôn H**, đổi cho 07 hộ gia đình và mua của 3 hộ gia đình cùng thôn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà **Trần Thị H** trình bày:* Gia đình bà **B** ông **C** đã bàn giao đất cho gia đình bà từ năm 2016. Sau khi nhận đất, gia đình bà có tân tạo làm sân bê tông, kê bờ ao, trồng cây ăn quả. Năm 2019 khi nhà nước thu hồi diện tích đất gia đình nhận chuyển nhượng của gia đình ông **C** bà không biết, không được nhận gì. Bà đề nghị xem xét giá trị tài sản khi tân tạo.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh **Ngô Đình T2** trình bày thống nhất với ý kiến của bà **B**.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông **L**, ông **C**, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân **huyện H**, Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **L**, ông **C** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông **Ngô Đình L**, ông **Ngô Đình C** làm trong thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là đơn kháng cáo hợp lệ. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông **Ngô Đình L**, ông **Ngô Đình C**, Hội đồng xét xử thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

[3.1] Không xem xét, giải quyết hết yêu cầu của đương sự, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự :

Tại Đơn khởi kiện, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải (BL52) nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông **Ngô Đình C** và bà **Nguyễn Thị B1** thực hiện hợp đồng mua, bán đất ao thả cá với diện tích 4.320m²

đất nuôi trồng thủy sản tại xứ đồng Lầy, **tổ dân phố L, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang**. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn, người liên quan (bà **B1**) đề nghị tuyên hợp đồng mua bán ngày 22/7/2016 là vô hiệu, đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (bl 53- 55). Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay đề ngày 22/7/2016 là vô hiệu, buộc ông **C**, bà **B1** trả lại số tiền 250.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22/7/2016 đến khi thanh toán xong khoản tiền phải trả lại.

Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự thì khi giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tòa sơ thẩm buộc bị đơn ông **C** bà **B1** trả lại ông **L** bà **H** số tiền 250 triệu đồng (là tiền chuyển nhượng đất) nhưng không xem xét giải quyết quyền lợi cho ông **C** bà **B1** khi hợp đồng vô hiệu là vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông **C** bà **B1**. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **B1** ông **C** vẫn giữ yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là số tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất và tài sản trên đất đã chuyển nhượng; ông **L** bà **H** yêu cầu xem xét giá trị tài sản tân tạo sau khi nhận chuyển nhượng đất. Yêu cầu này chưa được Tòa sơ thẩm xem xét, giải quyết nên nếu Tòa phúc thẩm giải quyết là vi phạm Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự về chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

[3.2] Đưa thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Theo trình bày của các đương sự và cung cấp của Ủy ban nhân dân thị trấn **T** thì nguồn gốc diện tích đất gia đình ông **C** chuyển nhượng cho gia đình ông **L** một phần là do gia đình ông **C** đổi của 7 hộ dân ở **xóm A thôn L (nay là tổ dân phố L), thị trấn B** và một phần do ông **C** mua của 3 hộ dân ở **thôn H, xã H**.

Tài liệu hồ sơ thể hiện, năm 2022 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng **cụm C** đã thu hồi của ông **Ngô Đình C**, ông **Ngô Đình L**, ông **Nguyễn Văn N2** diện tích 2.409,2m² đất thuộc thửa 375 tờ bản đồ 104, được bồi thường tổng số tiền 356.458.086đồng; 07 hộ dân đổi đất cho ông **C** đã nhận tiền đền bù, bồi thường (là phần diện tích đất gia đình ông **C** đã chuyển nhượng cho gia đình ông **L**), các hộ dân bán đất cho ông **C**, gia đình ông **C**, ông **L** chưa nhận tiền đền bù. Tòa sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện **H**, ông **Nguyễn Văn N2** và những người đã đổi ruộng, bán ruộng cho ông **C**, ông **L** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ diện tích bị thu hồi, diện tích đất, tài sản trên đất được bồi thường khi thu hồi và số tiền bồi thường các hộ dân này đã nhận để xem xét đánh giá khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Do Tòa án sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông **Ngô Đình L**, ông **Ngô Đình C** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Đình L**, ông **Ngô Đình C**

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DSST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông **Ngô Đình L**, ông **Ngô Đình C** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
 - Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa;
 - Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
 - Các đương sự
- Lưu HS; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

